

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 01/7/2021

V/v: *Kiến đòi tài sản
giữa bà H và ông T.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thủy
2. Ông Tống Xuân Tú

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/5/2021 và ngày 01/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST- DS ngày 28/10/2020 về tranh chấp “Kiến đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

Đại diện theo pháp luật: Bà Tô Thị Y, sinh năm 1983

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người làm chứng:

- Ông Phạm Đình Ch, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Bà H, ông T, ông D có mặt; Ông Ch, bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào tháng 5/2009, bà được HTX dịch vụ nông nghiệp xã T, huyện H cho nghỉ hưu và được hưởng chế độ chi trả một lần. Đến ngày 11/11/2017 bà mới được HTX dịch vụ nông nghiệp xã T duyệt chi trả số tiền chế độ một lần là 19.881.000 đồng. HTX đã làm đầy đủ thủ tục chứng từ tại phòng làm việc của Ông Ch (Giám đốc HTX dịch vụ nông nghiệp). Trong phòng của ông Ch gồm có ông Ch, bà, ông D (kế toán HTX), ông T (thủ quỹ HTX), bà ký vào mục người nhận tiền trong phiếu chi nhưng thực tế chưa được nhận tiền, có sự làm chứng của ông Ch, ông D. Sau đó bà cầm chứng từ cùng ông D, ông T sang phòng ông T là thủ quỹ HTX để bà lĩnh tiền. Tại đây, ông T cầm tập chứng từ bà đưa rồi cho vào cặp và không xuất tiền trả bà đồng thời ông T rút ra tập giấy mà ông T cho rằng là giấy nhận nợ của bà rồi ném ra mặt bàn trước mặt bà rồi đi về nhà. Khoảng 01 tuần sau, bà có ý kiến với Giám đốc HTX dịch vụ nông nghiệp để được giải quyết, nhiều lần có đơn đến UBND xã T yêu cầu ông T phải trả tiền cho bà, qua nhiều lần làm việc không đạt được kết quả nên bà khởi kiện ông T ra Tòa án, đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho bà số tiền trợ cấp nghỉ hưu 01 lần là: 19.881.000 đồng và yêu cầu ông T phải trả tiền lãi cho bà là 0,7%/tháng kể từ ngày 11/11/2017 đến khi ông T trả xong tiền cho bà. Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông T, không có bất cứ yêu cầu nào đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông Trương Văn T trình bày:

Bà H nguyên là Kế toán trưởng Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T được nghỉ hưu theo chế độ. Bà H có đề nghị ông Phạm Đình Ch là Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp xã T thực hiện việc chi trả chế độ một lần, ông Ch đồng ý duyệt chi, hồ sơ chi trả do ông Nguyễn Tiến D – Kế toán trưởng Hợp tác xã cầm (gồm có đề nghị duyệt chi, phiếu chi số tiền 19.881.000 đồng), ngày 11/11/2017 bà H đưa phiếu chi cho ông tại phòng ông Ch, việc chi trả tiền cho bà H được thực hiện tại phòng làm việc của ông Phạm Đình Ch (không có ai chứng kiến) ông là người trực tiếp đưa tiền cho bà H tại phòng làm việc của ông Ch. Bà H nguyên là kế toán nên hiểu rất rõ về nguyên tắc tài chính, kế toán, bà H nhận tiền xong rồi mới ký vào phiếu chi; Từ thời điểm bà H nhận tiền xong rồi ký phiếu chi thì không có ai chứng kiến. Sau khi nhận tiền xong thì bà H đi về.

Ngày 01/4/2009, bà H có vay của bà H1 (vợ ông) số tiền 10.000.000 đồng, lãi xuất 0,65%/tháng, có viết giấy biên nhận. Đến nay bà H đã trả cho ông số tiền này vào ngày 18/11/2017 tại nhà ông, bà H tự đến trả tiền cho ông, trả số tiền là 20.300.000 đồng (tiền gốc là 10.000.000 đồng; tiền lãi là 6.500.000 đồng là tiền lãi tính từ ngày 01/4/2009 đến tháng 11/2017; số tiền nợ cá nhân ông là 3.808.000 đồng là khoản vay năm 2008, ghi vào sổ ở nhà ông hiện nay vẫn còn giữ), lúc bà H trả tiền thì chỉ có ông ở nhà. Khi bà H trả tiền ông xong thì ông mở tủ lấy giấy biên nhận tiền ngày 01/4/2009 và giấy tính lãi (do ông Đoàn Văn B – Giám đốc quỹ tín dụng xã T) tính hộ cho ông, giấy tổng hợp nợ giữa ông với bà H viết ngày nào ông không nhớ, giấy nợ số tiền 3.808.000 đồng đưa hết cho bà H, bà H nhận các giấy tờ này không có ý kiến gì và đi về (các giấy tờ ông đưa cho bà H đều là bản photocopy). Khoảng mấy ngày sau, bà H lên UBND xã đòi lại ông các giấy tờ bản chính, ông về nhà lấy và quay lên UBND xã đưa toàn bộ giấy tờ bản chính cho bà H, bà

H nhận các giấy tờ này từ ông và đốt luôn tại phòng Ông Ch (không có ai chứng kiến), sau đó bà H đi về. Đến nay giữa vợ chồng ông không còn khoản vay mượn tiền nào đối với bà H, không có nợ nần gì nhau, ông không có yêu cầu phân tố đối với bà H.

Nay ông không nhất trí trả số tiền là 19.881.000 đồng cho bà H và tiền lãi là 0,7%/ tháng kể từ ngày 11/11/2017 đến nay như bà H yêu cầu vì ông đã thanh toán trả cho bà H xong vào ngày 11/11/2017.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2021, bà Tô Thị Y trình bày: Bà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc HTX dịch vụ nông nghiệp xã T từ ngày 22/3/2021, bà có nắm được việc bà H khởi kiện ông T về việc chi trả chế độ nghỉ hưu một lần cho bà H với số tiền 19.881.000 đồng, việc chi trả này Hợp tác xã đã lập hồ sơ và thực hiện việc chi trả chế độ cho bà H, sau đó ông T đã hoàn lại chứng từ cho kế toán và được Hợp tác xã quyết toán các khoản thu chi xong vào tháng 11/2017. Đến nay Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T không còn liên quan đến việc chi trả tiền chế độ cho bà H.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến D trình bày: Từ tháng 8/2016 ông làm kế toán Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T, đến tháng 4/2021 ông là Phó Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T. Ngày 11/11/2017 ông có thực hiện việc lập chứng từ chi trả tiền chế độ một lần đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền là: 19.881.000 đồng theo sự chỉ đạo của ông Phạm Đình Ch – Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T. Bà H và ông T ký tên vào phiếu chi đề ngày 11/11/2017 tại phòng làm việc của ông Phạm Đình Ch, thời điểm này trong phòng làm việc gồm có Ông Ch, ông, bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T. Sau khi bà H ký vào mục người nhận tiền trong phiếu chi thì bà H cầm toàn bộ hồ sơ cùng với ông, ông T sang phòng làm việc của ông T để giao tiền cho bà H (ông T là thủ quỹ HTX), trong phòng lúc này chỉ có ông, bà H và ông T, bà H đưa toàn bộ chứng từ cho ông T để lấy tiền, ông T nhận chứng từ trên và bỏ ra mặt bàn làm việc tập giấy tờ để đòi nợ bà H, việc giao tiền diễn ra như thế nào ông không được chứng kiến, thời gian sau ông T có đưa lại cho ông tập chứng từ để lưu hồ sơ. Thời điểm chi trả tiền chế độ cho bà H được thực hiện vào buổi sáng ngày 11/11/2017.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2021, ông Phạm Đình Ch trình bày: Ông làm Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T từ tháng 8/2016. Ngày 11/11/2017, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T có thực hiện việc chi trả chế độ một lần cho bà H, ông có chỉ đạo ông Nguyễn Tiến D (Kế toán trưởng HTX dịch vụ nông nghiệp) lập hồ sơ, việc lập hồ sơ là theo sự chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy xã T, sau khi ông D hoàn thiện chứng từ có chuyển sang cho ông Trương Văn T (Thủ quỹ HTX) để chi tiền cho bà H. Sau khi ký duyệt chi các chứng từ thì ông chuyển cho ông D rồi ông đi họp, ông không chứng kiến việc ông T giao tiền cho bà H. Sau này ông có biết sự việc bà H có đơn yêu cầu đòi tiền ông T và được UBND xã T giải quyết nhưng kết quả thế nào ông không nắm được.

Bà H tranh luận: Bà thừa nhận có ký vào mục nhận tiền trong phiếu chi đề ngày 11/11/2017 nhưng ông T không đưa tiền cho bà, bà không nhất trí ý kiến của ông T tại phiên tòa, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông T và không khởi kiện cũng như có yêu cầu gì đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T.

Ông T không chấp nhận yêu cầu nào của bà H

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 227; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Miễn án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện về tranh chấp kiện đòi tài sản đối với bị đơn ông Trương Văn T, ông T cư trú tại thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 2 điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Ngày 11/11/2017 tại phòng làm việc của Ông Ch; bà H đã ký tên vào phiếu chi trước sự có mặt của Ông Ch, ông D, sau đó bà H cùng ông D, ông T sang phòng ông T để lấy tiền. Tại phòng làm việc của ông T, có sự chứng kiến của ông D, sau khi nhận được chứng từ của bà H đưa, ông T cho vào cặp rồi rút từ trong cặp ra tập giấy tờ bỏ ra trước mặt bàn để đòi nợ bà H, không xuất tiền cho bà H mà đi về luôn. Ông T cho rằng bà H sau khi nhận đủ số tiền 19.881.000 đồng mới ký vào mục người nhận tiền trong phiếu chi, việc chi trả số tiền này không có ai chứng kiến. Bà H khởi kiện ông T nhưng không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh việc ông T chưa đưa số tiền 19.881.000 đồng cho bà H, mặt khác căn cứ vào Phiếu chi ngày 11/11/2017 bà H đã ký tên vào mục người nhận tiền. Từ các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Hoàng về việc buộc ông Trương Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.881.000 đồng và lãi suất 0,7%/tháng kể từ ngày 11/11/2017 đến khi ông T trả tiền xong cho bà.

[4] Tại thời điểm thực hiện việc chi trả tiền chế độ một lần cho bà H thì ông T là Thủ quỹ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T, bà H không có bất kỳ yêu cầu nào đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà H không được chấp nhận, tuy nhiên bà H là người cao tuổi, căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội, miễn án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Trương Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.881.000 đồng và lãi suất 0,7%/tháng đến khi ông T trả tiền xong cho bà.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H.

3. Bà H, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Trác